

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Kinh doanh và dịch vụ Đức Luân (nay là Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân);

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 15/ĐL-MT ngày 27/11/2023 của Công ty CP kinh doanh và dịch vụ Đức Luân về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án: Đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1635/TTr-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Đức Luân, địa chỉ tại Thôn Xuân Cường, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2800762931 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/01/2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800762931.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 48.000m². Trong đó: Khu vực khai thác là 30.000m²; khu vực khai trường là 18.000m².

- Công suất:

+ Công suất khai thác: 45.000m³/năm.

+ Phương thức khai thác: Lộ thiên.

+ Thời hạn khai thác: 30 năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ Đức Luân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ Đức Luân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến ngày 15 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Như Thanh và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty CP kinh doanh và dịch vụ Đức Luân (t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Như Thanh (để theo dõi);
- UBND xã Xuân Khang;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên dự án với lưu lượng $0,72\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý không thải ra ngoài môi trường).

1.2. Nguồn số 02: Nước tháo khô mở khu vực khai thác và khu vực khai trường có lưu lượng $307,62\text{m}^3/\text{giờ}$ (tối đa $923\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ khi trời mưa).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung khu vực phía Tây Nam dự án tại Núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải từ nguồn số 02 sau xử lý lắng cặn tại ao lắng sẽ chảy tràn qua rãnh thoát nước ở ranh giới khu vực khai trường vào mương thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án tại Núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(\text{m}) = 2175082$; $Y(\text{m}) = 558639$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3^0)

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $923\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy ra nguồn tiếp nhận theo hình thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả không liên tục, chỉ xả trong trường hợp trời mưa to và kéo dài.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	45		
3	COD	mg/l	135		
4	TSS	mg/l	90		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9		
6	Coliforms	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước tháo mỏ và nước mưa chảy tràn trên khu vực mỏ được thoát tự nhiên theo độ cao địa hình về mương, rãnh thu gom về ao lắng, cụ thể: Phần diện tích khối núi theo địa hình dốc về phía ao lắng; nước thoát mỏ và chảy tràn khu vực khai trường sẽ được thu gom vào các rãnh thoát (kích thước: mặt x đáy x sâu = 1,0mx0,8mx0,8m; chiều dài 260m) về ao lắng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể chứa chất thải của nhà vệ sinh di động → Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Số lượng: 01 nhà vệ sinh di động.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước mưa chảy tràn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa chảy tràn → Tự chảy theo địa hình/Rãnh thu gom → Ao lắng (dung tích 3.125m³) → Mương thoát nước chung của khu vực (phía Tây Nam dự án).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống kênh, mương tiêu thoát nước, ao lắng nước thải.
- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thu gom và ao lắng để có biện pháp khắc phục kịp thời, có biện pháp khơi thông dòng chảy tránh tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn khu vực mở của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh di động phải được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ quá trình khoan lỗ nổ mìn và nổ mìn.
- Nguồn số 02: Bụi và khí thải từ trạm nghiền sàng đá.
- Nguồn số 03: Bụi và khí thải phát sinh tại khu vực cổng vào dự án do phương tiện vận chuyển ra vào.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Sử dụng công nghệ nổ mìn điện; sử dụng vật liệu nổ đúng quy định; tổ chức nổ mìn cố định 3 ngày/lần, tuân thủ đúng thời gian nổ mìn theo hộ chiếu nổ mìn; không nổ mìn khi có gió lớn và thời tiết quá khô hanh nhằm hạn chế sự phát tán của bụi đi xa.
- Nguồn số 02: Bố trí hệ thống phun ẩm giảm bụi tại bộ phận cửa tiếp liệu, đập hàm, băng tải và đầu rót sản phẩm (mỗi bộ phận lắp 01 béc phun hoạt động liên tục trong quá trình vận hành trạm).
- Nguồn số 03: Chấp hành quy định của pháp luật về tải trọng của phương tiện vận chuyển; thường xuyên phun nước tưới ẩm khu vực cổng ra vào mỏ, tuyến đường giao thông nội mỏ, ngoại mỏ và tuyến đường vận chuyển gần mỏ; bảo dưỡng thay thế định kỳ thiết bị máy móc của các phương tiện vận chuyển; thường xuyên duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đường vận chuyển; trang bị 01 máy quét bụi để quét dọn vệ sinh trên tuyến đường ngoại mỏ và từ mỏ ra trục đường đi chung; trong quá trình vận chuyển sản phẩm nếu có đất đá rơi vãi từ các xe vận chuyển, công ty sẽ bố trí nhân công thực hiện vệ sinh quét dọn từ khu vực mỏ ra tuyến đường ngoại mỏ.

1.2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các giải pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị làm việc tại khu mỏ.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ trạm nghiền sàng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (nguồn phân tán hoặc di động) thuộc khu vực Dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Cầu Đất, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ Đức Luân.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị làm việc tại khu mỏ:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, yêu cầu các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định; đảm bảo máy hoạt động vận hành êm.

1.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của trạm nghiền sàng, phương tiện vận chuyển:

- Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương án cách ly, cách âm, thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển đúng quy định; đảm bảo máy hoạt động vận hành êm; không vận hành quá tải máy móc thiết bị; các điểm tiếp xúc giữa máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và hạn chế độ rung.

- Không phân công người bị tổn thương thính giác, suy nhược thần kinh, bệnh tim mạch làm việc tại các khu vực có nguồn ồn cao.

1.3. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do khoan, nổ mìn:

- Thực hiện khoan nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn.

- Nạp thuốc nổ và búa vào lỗ mìn đúng kỹ thuật. Việc nạp thuốc nổ và búa không đúng kỹ thuật sẽ gây ra hiện tượng phụt lỗ mìn, không những làm giảm hiệu quả nổ mìn mà còn tạo ra tiếng nổ rất lớn.

- Trong quá trình nổ mìn, công ty tuân thủ mọi quy định, đảm bảo công tác nổ mìn được thực hiện hợp lý, tránh tình trạng nổ mìn đồng thời gây ra cộng hưởng âm, phát sinh tiếng ồn lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	100
2	Giẻ lau dính dầu, mỡ	18 02 01	Rắn	13
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	35
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	82
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	5
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	10
	Tổng cộng			245

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đất đá thải	1.627.56
	Tổng cộng	1.627.560

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3,18
	Tổng cộng:	3,18

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, dung tích 200 lít;
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Kho chứa có diện tích 10m².
- Thiết kế, cấu tạo: Nền được đổ bê tông, tường và mái lợp tôn; bố trí biển báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Toàn bộ đất đá thải sẽ được thu gom và vận chuyển về 01 bãi thải có diện tích là 1.600m²; sau đó tận dụng sản xuất base.
- Bùn thải từ nhà vệ sinh di động: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt dung tích 200 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà: Không có

2.4. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

1. Cải tạo, phục hồi môi trường:

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường là 48.000m²; trong đó:

- Khu vực moong khai thác: 30.000m². Cạy gỡ đá treo; xây dựng biển cảnh báo nguy hiểm; san gạt đất khu vực khai thác, trồng cỏ gừng.
- Khu vực khai trường: 1.800m². Di dời máy móc, thiết bị; tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ; nạo vét ao lắng; san gạt mặt bằng; trồng cây keo tai tượng Úc.
- Khu vực xung quanh: Nạo vét hệ thống thoát nước ngoài mỏ; cải tạo đường giao thông ngoài mỏ.
- Khối lượng cải tạo phục hồi môi trường:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
A	Khu vực khai thác		
1	Cạy gỡ đá treo	m ³	74,1
2	San gạt đất	m ³	5.100
3	Lắp đặt biển báo	Cái	5
4	Bổ sung đất màu (mua, vận chuyển và san gạt)	m ³	850
5	Trồng cỏ gừng	ha	1,7
B	Khu vực khai trường		
1	Hút và khử trùng	Cái	1
2	Di dời máy móc thiết bị	Chuyển	2
3	Tháo dỡ công trình		
	Tháo dỡ mái tôn	m ²	246
	Tháo dỡ cửa	m ²	25
	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh	Cái	4
	Phá dỡ tường gạch	m ³	64,4
	Phá dỡ nền xi măng	m ²	245
	Phá dỡ kết cấu thép	Tấn	4,1

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	Phá dỡ tường đá	m ³	96
	Phá dỡ kết cấu bê tông	m ³	32,8
	Trám lấp giếng khoan	Cái	1
	Tháo dỡ trạm biến áp	Trạm	1
	Tháo dỡ dây cáp điện	m	500
	Tháo dỡ trụ kép	Cái	1
	Tháo dỡ cột điện	Cột	10
	Tháo dỡ téc nước	Cái	1
	Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng	Hệ thống	1
	Vận chuyển phế thải	m ³	406
4	San gạt đất	m ³	5.400
5	Cải tạo đất	m ³	406
6	Bổ sung đất màu vào hố (mua và vận chuyển)	m ³	81
7	Trồng cây keo tai tượng Úc	Ha	1,8
C	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét hệ thống thoát nước	m ³	18,4
2	Cải tạo đường giao thông ngoài mỏ	m ²	1.600

2. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án là 450.813.297 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu, tám trăm mười ba tám nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng*).

- Số lần ký quỹ là 30 lần hoặc có thể lựa chọn việc ký quỹ 01 lần cho toàn bộ thời hạn khai thác khoáng sản là 30 năm.

- Số lần ký quỹ đã thực hiện là 04 lần (trong tổng số 30 lần) tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa đã bao gồm yếu tố trượt giá là 113.073.087 đồng (*Một trăm mười ba triệu, không trăm bảy ba nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng*).

- Số tiền còn lại phải ký quỹ: $450.813.297 - 113.073.087 = 337.740.210$ đồng (*Ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, hai trăm mười đồng*)

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 26 (hai mươi sáu) lần.

- Số tiền ký quỹ từ lần thứ 5 tới lần thứ 30 chưa bao gồm yếu tố trượt giá của các năm tiếp theo là: 13.213.000 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm hai mươi ba*

ngàn đồng). Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Thời điểm ký quỹ: Trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

- Địa chỉ : 14 đường Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa.

- STK: 501.10.00.0410752 tại Ngân hàng TM CP đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thanh Hóa

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo quy định.

2. Thực hiện giám sát, cảnh báo, đảm bảo an toàn đối với các khu vực mỏ khi thực hiện nổ mìn, tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Tăng cường công tác phun tưới nước giảm bụi trên các tuyến đường vận chuyển ra vào mỏ, các tuyến đường vận chuyển chung ngoài mỏ, trồng cây xanh cách lý giảm thiểu tác động của bụi và tiếng ồn.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường./.